| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUYÊN MỘC**<br>TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.
2. Bà Hoàng Thị Kim Ngân.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Võ Tuấn K, sinh năm: 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp NĐ, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp NĐ, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Ông Võ Tuấn K trình bày:

Ông K và bà L chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối ép buộc. Sau khi kết hôn thì ông K và bà L chung sống đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên va chạm, cãi vã, xúc phạm nhau. Ông K và bà L đã cùng ngồi lại với nhau để dàn xếp mâu thuẫn nhưng không thành. Vì vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng dần dần rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay ông K và bà L sống ly thân không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông K được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông K và bà L có 02 con chung tên Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2005 và Võ Nguyễn Quỳnh K, sinh ngày 17/8/2006. Hiện nay các con chung đang ở với bà L. Nếu ly hôn ông K đồng ý để bà L nuôi dưỡng các con chung và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Phương L đến tham gia hòa giải nhiều lần, bà L có mặt 02 lần có trình bày quan điểm của mình về những yêu cầu của ông K nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản, những lần hòa giải tiếp theo Tòa án đã triệu tập bà L hợp lệ nhưng bà L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa bà L đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn – Bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông K trình bày là đúng, bà L không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà L không bắt gặp nhưng nghe người khác nói lại, bà L cảm thấy ông K không còn quan tâm gì đến bà L nên bà L cho rằng ông K có quan hệ tình cảm với người khác là có cơ sở. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Từ tháng 6/2018 đến nay, bà L và ông K ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay ông K yêu cầu ly hôn với bà L thì bà L cũng không muốn chung sống hay hàn gắn tình cảm với ông K. Bản thân bà L cũng không còn tình cảm gì với ông K nhưng do bà L theo đạo thiên chúa giáo nên bà L không đồng ý ly hôn với ông K vì đạo này không cho phép ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông K có có 02 con chung tên Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2005 và Võ Nguyễn Quỳnh K, sinh ngày 17/8/2006 . Hiện nay các con chung đang ở với bà L. Nếu Tòa án giải quyết cho ông K ly hôn thì bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông K tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Võ Tuấn K yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Nguyễn Thị Phương L, đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị Phương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L có mặt 02 lần những lần còn lại vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà L xây dựng gia đình vào năm 2002 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 04 ngày 08/12/2003 của UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn ông K và bà L trình bày có sự khác nhau ông K cho rằng mâu thuẫn xảy ra vào tháng 4/2018 là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình về lối sống nên cãi vã, xúc phạm nhau. Bà L cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Mặc dù thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn có sự khác nhau nhưng mâu thuẫn giữa ông K và bà L là có thật.

Xét yêu cầu của ông K cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông K và bà L phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ giữa năm 2018 đến nay ông K và bà L ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Sau khi ông K gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, nhiều lần bà L vắng mặt không lý do, có lần bà L có mặt nhưng cũng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông K và bà L thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K đối với bà L.

[3] Về con chung: Ông K và bà L có 02 con chung tên Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2005 và Võ Nguyễn Quỳnh K, sinh ngày 17/8/2006. Hiện

nay các con chung đang sống với bà L. Ông K đồng ý để bà L nuôi dưỡng các con chung và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông K cho thấy, từ khi ông K nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà L có đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc bà L có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét nguyện vọng của cháu Quỳnh và cháu Kha cho thấy các cháu có nguyện vọng ở với bà L nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu Q và cháu K cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà L nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Tuấn K đối với bà Nguyễn Thị Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tuấn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L.

2. Về con chung: Ông K và bà L có 02 con chung tên Võ Nguyễn Như Q, sinh ngày 14/01/2005 và Võ Nguyễn Quỳnh K, sinh ngày 17/8/2006. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Tuấn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003098 ngày 6/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**